

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán quản lý tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ kế hoạch số 9448/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc rà soát, xử lý tồn tại đối với đất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1017/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán tiếp tục quản lý 40 thửa đất tại thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Tờ bản đồ địa chính số 49, thửa đất số 22, diện tích 863,9 m<sup>2</sup>. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 247/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

2. Tờ bản đồ địa chính số 42, thửa đất số 136, diện tích 1.577,0 m<sup>2</sup>. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo Tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2482/2020 tỷ lệ 1:1000, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng

Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (*kèm theo*).

3. Tờ bản đồ địa chính số 39, thửa đất số 122, diện tích 32,8 m<sup>2</sup>. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo Tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2504/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (*kèm theo*).

4. Tờ bản đồ địa chính số 39, thửa đất số 121, diện tích 126,1 m<sup>2</sup>. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2503/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (*kèm theo*).

5. Tờ bản đồ địa chính số 25, thửa đất số 103, diện tích 343,4 m<sup>2</sup>. Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1647/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (*kèm theo*).

6. Tờ bản đồ số 46, thửa đất số 54, diện tích 59,9 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2484/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (*kèm theo*).

7. Tờ bản đồ số 49, thửa đất số 3, diện tích 25,8 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2468/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (*kèm theo*).

8. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 144, diện tích 37,8 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1651/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (*kèm theo*).

9. Tờ bản đồ số 38, thửa đất số 81, diện tích 91,5 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2491/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (*kèm theo*).

10. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 63, diện tích  $42,9 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1662/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).
11. Tờ bản đồ số 46, thửa đất số 42, diện tích  $183,7 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2488/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).
12. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 63, diện tích  $1.667,7 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1645/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).
13. Tờ bản đồ số 49, thửa đất số 21, diện tích  $22,9 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2470/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).
14. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 46, diện tích  $131,2 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2493/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).
15. Tờ bản đồ số 56, thửa đất số 32, diện tích  $46,3 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2472/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).
16. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 59, diện tích  $212,8 \text{ m}^2$ , vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1643/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

17. Tờ bản đồ số 29, Thửa đất số 156, diện tích 43,2 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1654/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

18. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 72, diện tích 50,1 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1663/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

19. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 139, diện tích 789,0 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1649/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

20. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 145, diện tích 44,9 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1652/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

21. Tờ bản đồ số 38, thửa đất số 72, diện tích 361,3 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2489/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

22. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 113, diện tích 224,4 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2481/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

23. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 112, diện tích 84,2 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2500/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

24. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 132, diện tích 91,9 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2467/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

25. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 84, diện tích 168,0 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1664/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 25 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

26. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 45, diện tích 678,2 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1659/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29/7/2020 (kèm theo).

27. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 90, diện tích 701,7 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1665/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

28. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 56, diện tích 361,8 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1661/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

29. Tờ bản đồ số 36, thửa đất số 54, diện tích 100,2 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1660/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

30. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 136, diện tích 55,5 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1650/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).



31. Tờ bản đồ số 25, thửa đất số 133, diện tích 605,4 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1648/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

32. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 70, diện tích 9,9 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2499/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

33. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 33, diện tích 201,4 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2492/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

34. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 115, diện tích 317,7 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2501/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

35. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 73, diện tích 13,0 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2495/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

36. Tờ bản đồ số 46, thửa đất số 21, diện tích 113,2 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2487/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

37. Tờ bản đồ số 46, thửa đất số 31, diện tích 91,8 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2483/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

38. Tờ bản đồ số 29, thửa đất số 170, diện tích 247,0 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1655/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 29 tháng 7 năm 2020 (kèm theo).

39. Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 77, diện tích 38,0 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2497/2020 tỷ lệ 1:200, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

40. Tờ bản đồ số 38, Thửa đất số 75, diện tích 456,8 m<sup>2</sup>, vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 2490/2020 tỷ lệ 1:500, do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai thực hiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 20 tháng 8 năm 2020 (kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện việc cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán quản lý chặt chẽ khu đất, không để đất bị lấn chiếm, không được cho thuê, cho mượn trái quy định pháp luật, bàn giao lại đất khi nhà nước thực hiện quy hoạch.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Định Quán, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử (đăng tin);
- Lưu VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Phi**